

# GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ DƯA GANG TẠI HUYỆN QUỲNH PHỤ - TỈNH THÁI BÌNH: NGHIÊN CỨU ĐIỂM TẠI XÃ QUỲNH THỌ

Đỗ Thị Diệp\*, Trần Thị Thu Trang, Nguyễn Hữu Giáp, Mai Thị Thanh Tuyền

*Nghiên cứu về “giải pháp tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang” tập trung giải quyết ba vấn đề chính là (i) Đánh giá thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa gang; (ii) Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang trên địa bàn nghiên cứu; (iii) đề xuất giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả liên kết. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhìn chung liên kết có tác động tích cực đến kết quả, hiệu quả sản xuất cũng như kiến thức và kỹ năng sản xuất của người dân. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra các nguyên nhân ảnh hưởng đến liên kết, đồng thời gợi mở một số định hướng nhằm tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang trên địa bàn nghiên cứu.*

**Từ khóa:** Liên kết, sản xuất, tiêu thụ, dưa gang, giải pháp, dưa gang

## 1. Đặt vấn đề

Dưa gang là cây trồng mới được đưa vào sản xuất trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ - tỉnh Thái Bình vài năm gần đây nhưng đã đem hiệu quả kinh tế khá cao cho người sản xuất. Với đặc điểm thời gian sinh trưởng rất ngắn (45 ngày), khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, tốn ít công lao động, chăm sóc đơn giản, hiệu quả cao, nên dưa gang được trồng ngày càng phổ biến, nhất là vào vụ hè thu. Mỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang đã tạo ra nhận thức cho cả doanh nghiệp và người sản xuất về mối quan hệ có tính ràng buộc và trách nhiệm lẫn nhau. Liên kết này góp phần nâng cao vai trò của hợp tác xã nông nghiệp và các tổ kinh tế hợp tác ở nông thôn như là một trung gian giữa doanh nghiệp và người sản xuất. Song, trên thực tế mỗi liên kết này còn chưa đồng bộ do nhận thức và năng lực của các tác nhân tham gia liên kết còn hạn chế.

Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng đã chính thức được triển khai từ Nghị định 80/2002. Từ đó đến nay đã có nhiều đề tài nghiên cứu về thực trạng triển khai, tác động của liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản nói chung ở các vùng kinh tế lớn như đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào về giải pháp tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

dưa gang ở huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình – loại cây rau màu được đưa vào canh tác chưa lâu cứu nhưng đã chứng minh hiệu quả kinh tế cao và khả năng thâm canh, xen vụ tối ưu. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang, tìm hiểu tác động và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mỗi liên kết, từ đó đề xuất giải pháp nhằm tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang tại địa bàn nghiên cứu.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu điểm được thực hiện tại xã Quỳnh Thọ - là một trong những xã mạnh nhất về liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản nói riêng, sản phẩm dưa gang nói chung trên địa bàn huyện<sup>1</sup>.

Nghiên cứu tiến hành điều tra 90 hộ nông dân ở 03 thôn mang tính chất đại diện cho địa bàn nghiên cứu. Trong đó 85 hộ liên kết và 5 hộ không liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang<sup>2</sup>. Về phía doanh nghiệp, hiện nay trên địa bàn xã Quỳnh Thọ, chỉ có một doanh nghiệp tiêu thụ là công ty cổ phần chế biến nông sản xuất khẩu nên nghiên cứu chọn 01 doanh nghiệp tiêu thụ, 01 doanh nghiệp cung ứng thuốc BVTV, 01 doanh nghiệp cung ứng giống, 01 doanh nghiệp cung ứng phân bón. Như vậy, có tổng số 04 doanh nghiệp được chọn điều tra. Về phía nhà khoa học, nghiên cứu chọn điều tra 05 nhà khoa học

trong đó bao gồm cán bộ khuyến nông, cán bộ kỹ thuật của HTX, công ty. Ngoài ra, đối tượng nghiên cứu còn bao gồm cán bộ HTX, tổ chức đoàn thể như hội nông dân, hội phụ nữ... là các tác nhân trung gian tham gia liên kết.

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 3.1 Khái quát tình hình sản xuất và liên kết sản xuất, tiêu thụ dưa gang tại huyện Quỳnh Phụ

Dưa gang là cây có chu kỳ sản xuất ngắn, không yêu cầu công làm đất lớn lại ít sâu bệnh nên được trồng phổ biến ở huyện Quỳnh Phụ, điển hình là xã Quỳnh Thọ, vào vụ hè thu để tranh thủ thời vụ của cây vụ đông ưa ẩm.

Diện tích trồng dưa gang trên địa bàn xã Quỳnh Thọ nói riêng, huyện Quỳnh Phụ nói chung có xu hướng tăng đều trong những năm gần đây. Cụ thể, giai đoạn 2009-2011, diện tích dưa gang toàn huyện tăng bình quân 5,6%/năm (Báo cáo huyện Quỳnh Phụ), xã Quỳnh Thọ tăng 6,46%/năm.

Trên bình diện toàn huyện, hiện nay dưa gang được tiêu thụ chủ yếu bởi các công ty chế biến nông

sản thực phẩm thông qua hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và các hộ nông dân. Ngoài ra, một tỷ lệ nhỏ các hộ liên kết bán ra ngoài cho người tiêu dùng khác và hương lái. Tuy nhiên, hình thức tiêu thụ này chưa thực sự phổ biến và còn tồn tại nhiều bất cập do cả từ phía bên mua và bên bán. Một phần rất nhỏ để tiêu dùng tại các gia đình và đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương (0.4%).

#### 3.2. Thực trạng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang tại xã Quỳnh Thọ

##### 3.2.1 Thực trạng liên kết

Liên kết giữa nhà nông, nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà nước và các tổ chức trung gian trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang ở xã Quỳnh Thọ được khái quát qua sơ đồ 1.

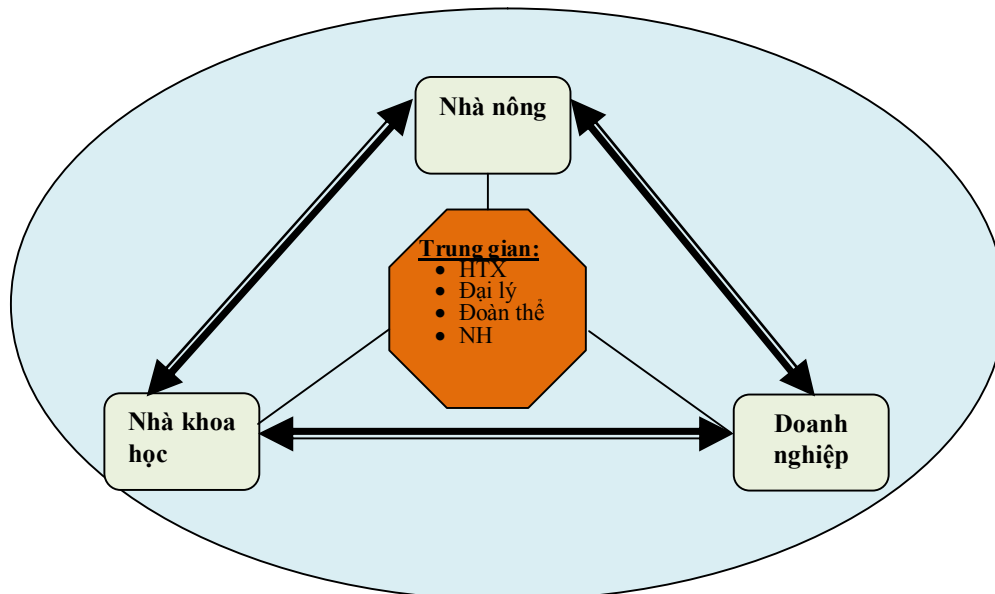
Nhà nông, nhà khoa học, doanh nghiệp là ba tác nhân chính, tham gia liên kết với nhau trong môi trường thể chế, chính sách và sự định hướng của Nhà nước. Do quy mô sản xuất nhỏ lẻ, đất đai manh mún nên đa số nhà nông không thể tự đứng ra liên kết với doanh nghiệp và nhà khoa học. Do đó, sự

**Bảng 1: Tình hình sản xuất dưa gang của xã Quỳnh Thọ giai đoạn 2009-2011**

Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010	2011	Bình quân		
					2010/2009	2011/2010	BQ chung
Diện tích	Ha	60,00	66,50	68,00	110,83	102,26	106,46
Năng suất	Tấn/ha	120,00	133,00	136,00	116,99	107,64	112,22
Sản lượng	Tấn	6480,00	8402,00	9248,00	129,66	110,07	119,46

Nguồn: Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp xã Quỳnh Thọ

**Sơ đồ 1: Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang**



**Bảng 2: Khái quát chung các tác nhân và các khâu liên kết chính**

Khâu liên kết	Tỷ lệ nông dân liên kết với các tác nhân khác (%)				
	Nhà nông	Nhà khoa học	DN*/NH	HTX	Đại lý/DN**
Giống	-	-	96,0		4,0
Vốn	11,2	-	19,8	-	-
Phân bón	-	-	-	94,4	15,2
BVTV	-	-	-	65,5	39,5
Tập huấn và chuyên giao TBKT	64,6	92,1	21,5***	-	21,5***
Tiêu thụ	-	-	94,4	-	6,6

Ghi chú: \* Doanh nghiệp tiêu thụ; \*\* Doanh nghiệp cung ứng đầu vào; \*\*\* Bao gồm cả DN cung ứng đầu vào và DN tiêu thụ

Nguồn: tổng hợp từ kết quả điều tra năm 2012

xuất hiện của các tác nhân trung gian có vai trò rất quan trọng, giúp hình thành liên kết giữa các nhà, đồng thời giúp liên kết đó diễn ra một cách ổn định, bền vững.

Thực tiễn triển khai thực hiện cho thấy, vai trò liên kết trong sản xuất và tiêu thụ ở Quỳnh Thọ được đánh giá thông qua sáu tiêu chí là: hỗ trợ chính sách, tổ chức liên kết, cung ứng vật tư, cung ứng kỹ thuật, cung cấp vốn và tiêu thụ dư gang.

Thực trạng các khâu liên kết cho thấy, nhà nông liên kết với các tác nhân theo các kênh khác nhau tùy thuộc vào nội dung liên kết. Cụ thể, nhu cầu vốn cho sản xuất dư gang không lớn nên tỉ lệ liên kết tương đối thấp: 11,2% nhà nông liên kết với các hộ nông dân khác và 19,8% liên kết với ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Trong cung ứng phân bón và

thuốc BVTV, đa phần nhà nông liên kết cùng lúc với nhiều đối tượng khác nhau do thời điểm cung cấp và chất lượng đầu vào của các nguồn không giống nhau. Vì vậy, đa dạng hóa kênh liên kết giúp nhà nông có cơ hội lựa chọn các nguồn cung ứng tốt hơn với giá cả và thời gian cung ứng hợp lý hơn. Liên kết trong cung ứng thuốc BVTV là ví dụ điển hình minh chứng cho nhận định trên.

### 3.2.2 Kết quả của liên kết

Liên kết sản xuất và tiêu thụ dư gang diễn ra ở tất cả quá trình sản xuất, do đó liên kết có tác động đến tất cả các đối tượng tham gia liên kết.

Đối với nhà nông, so với các hộ không tham gia liên kết, giá trị sản xuất và thu nhập hỗn hợp của các hộ có liên kết cao hơn gấp 1,1 lần. Bên cạnh đó, năng suất, chất lượng sản phẩm và thu nhập của các

**Bảng 3: Tình hình cung ứng thuốc BVTV của HTX và đại lý**

Chỉ tiêu	Liên kết với HTX	Liên kết với đại lý
1. Thời điểm liên kết	Những thời điểm nhất định của quá trình sản xuất	Diễn ra trong cả quá trình sản xuất
2. Hướng dẫn kỹ thuật	Được hướng dẫn kỹ thuật	Có hướng dẫn, cán bộ không có chuyên môn
3. Chủng loại thuốc	Đa dạng Nằm trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng	Đa dạng hơn Một số loại thuốc không nằm trong danh mục
4. Thời gian bán	Theo giờ hành chính	Linh động
5. Chất lượng	Bán theo hướng dẫn của ngành dọc	Bán quá nhiều loại, chất lượng khó kiểm soát

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả điều tra năm 2012

hộ tham gia liên kết cũng tăng lên đáng kể so với trước khi liên kết. Kết quả nghiên cứu cho thấy, qua quá trình liên kết nhà nông được học hỏi nâng cao trình độ thâm canh; được tiếp cận và ứng dụng các kỹ thuật tiên bộ; năng suất và chất lượng sản phẩm do đó được nâng cao. Ngoài ra, nông dân cũng được hỗ trợ cung ứng giống với chất lượng đảm bảo, được hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc bởi kỹ thuật viên của công ty và cán bộ khuyến nông cấp xã.

*Đối với nhà khoa học*, khi tham gia liên kết nhà khoa học nhận được các lợi ích như: được hỗ trợ kinh phí, tăng thu nhập từ hoạt động khoa học, tích lũy thêm kinh nghiệm từ thực tế, nâng cao trình độ và kỹ năng chuyên môn. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy mặc dù lợi ích của Nhà khoa học khi tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa gang được tăng lên nhưng mức độ tăng chậm. Nguyên nhân chủ yếu là do cơ chế phân chia lợi ích giữa các bên tham gia liên kết chưa rõ ràng.

*Đối với doanh nghiệp*, nhìn chung kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp được cải thiện do những lợi ích mà Doanh nghiệp nhận được như: (i) thị phần bán hàng ổn định hơn, (ii) huy động vốn lớn hơn, (iii) đầu vào ổn định hơn.

### 3.2.3 Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa gang ở xã Quỳnh Thọ còn một số bất cập, thiếu chặt chẽ, nhất là việc ký kết và thực hiện hợp đồng sản xuất, tiêu thụ dưa gang giữa doanh nghiệp với nông hộ đôi khi bị phá vỡ, nông hộ không bán sản phẩm theo giá cả hợp đồng đã ký với doanh nghiệp. Một phần nguyên nhân của tình trạng trên là do HTXDVNN đứng ra làm đại diện cho nhà nông ký kết hợp đồng, do đó các hộ nông dân không biết rõ về các điều khoản của hợp đồng, giá trị pháp lý và hình thức xử lý khi có vi phạm xảy ra. Theo báo cáo của HTXDVNN xã Quỳnh Thọ, tỷ lệ sản lượng dưa gang thu mua theo hợp đồng năm 2010 là 98%, năm 2011 là 95%. Phần còn lại nông dân chủ yếu bán cho thương lái đường

dài và một phần nhỏ phục vụ nội tiêu.

### 3.3. Các nhân tố ảnh hưởng

#### 3.3.1 Chủ trương, chính sách về/liên quan đến liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản

Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước là nhân tố vô cùng quan trọng trong việc hình thành và phát triển nội dung liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng nói chung, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang ở xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nói riêng. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn tồn tại một số hạn chế do chồng chéo, mâu thuẫn giữa các chủ trương, chính sách trong quá trình triển khai thực hiện. Điển hình như chủ trương phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở tích tụ đất đai theo Văn kiện Đại hội Đảng (2011) nhưng lại bị giới hạn bởi chính sách hạn điền (Minh Hoài (2006)). Điều đó gây khó khăn cho quá trình triển khai liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản nói chung, sản phẩm dưa gang nói riêng trên địa bàn nghiên cứu.

#### 3.3.2 Yếu tố thuộc về quy hoạch

Trên thực tế, có nhiều chính sách liên quan đến sản xuất nông sản đã tạo thuận lợi cho áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, điển hình như chính sách dồn điền đổi thửa và quy hoạch vùng sản xuất.

Hiện nay, trên địa bàn toàn huyện nói chung, ở xã Quỳnh Thọ nói riêng chưa có quy hoạch chi tiết phát triển nông nghiệp cũng như quy hoạch cụ thể vùng sản xuất đối với các loại cây trồng do tình trạng manh mún đất đai và bình quân đất canh tác trên người thấp. Diện tích trồng dưa gang do đó không ổn định qua các năm, phụ thuộc nhiều vào biến động giá cả thị trường và điều kiện tự nhiên. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang vì thế cũng không ổn định về số lượng đầu vào và sản lượng đầu ra.

#### 3.3.3 Yếu tố thuộc về tổ chức thực hiện

Mô hình liên kết trong sản xuất và tiêu thụ thông qua hợp đồng đối với các loại cây trồng, đặc biệt là

### Hộp 1: Quy hoạch vùng sản xuất và dồn điền đổi thửa với sản xuất dưa gang

Trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ, trước năm 2001 mỗi hộ có trên 10 thửa ruộng, sau khi dồn điền đổi thửa năm 2001 mỗi hộ chỉ còn từ 3-4 thửa ruộng. Trong tương lai, theo đề án xây dựng nông thôn mới, mỗi hộ sẽ chỉ còn từ 1 -2 thửa ruộng, quy hoạch riêng vùng trồng lúa và rau màu, trong đó một vùng chỉ được cấy từ một đến hai loại lúa. Theo đó, việc hình thành vùng sản xuất rau màu và triển khai liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa gang sẽ trở nên thuận lợi hơn rất nhiều.

Ông NVĐ, Ban quản trị HTXDVNN xã Quỳnh Thọ

dưa gang trên địa bàn xã Quỳnh Thọ bắt đầu từ năm 2006 trên cơ sở HTXDVNN đứng ra làm trung gian, đóng vai trò “hai nhà” (với doanh nghiệp đóng vai trò nhà nông, với nhà nông đóng vai trò doanh nghiệp). Mặc dù có hợp đồng kí kết rõ ràng về số lượng giống cung ứng và mức sản lượng thu mua nhưng bản chất của mối liên kết vẫn là tự phát, không có hướng dẫn hay chỉ đạo thực hiện từ phía chính quyền như huyện, tỉnh. Do đó, nhiều tình huống xảy ra như nhà nông đăng kí số lượng giống nhưng không mua, hay sản lượng thu hoạch không bán hết cho doanh nghiệp như đã kí kết. Vì vậy, việc hoàn thiện các giải pháp và tổ chức thực hiện chủ trương liên kết đến các cấp chính quyền và người dân là rất cần thiết để gắn kết sản xuất với tiêu thụ, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân trồng dưa gang.

### 3.3.4 Các yếu tố thuộc về nguồn lực

**Đất đai:** Trên địa bàn xã Quỳnh Thọ, quỹ đất dành cho sản xuất dưa gang hiện nay có khoảng hơn 40ha, phân bố chủ yếu ở đất vằn cao và trung bình, hay các chân đất với công thức luân canh: hai lúa - một màu; một lúa – hai màu; chuyên màu. Đặc điểm của dưa gang là rất dễ trồng và thích hợp trên đất ruộng tơi xốp, trong khi đó phần lớn diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã phù hợp với đặc điểm này. Vì vậy, điều kiện đất đai của địa phương là yếu tố quan trọng, là tiền đề cho phát triển sản xuất cũng như mở rộng liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang.

**Vốn:** Thực trạng liên kết về vốn trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang ở xã Quỳnh Thọ cho thấy, chi phí đầu tư cho sản xuất không lớn nên nhu cầu liên kết trong cung ứng vốn của nhà nông thấp hơn nhiều so với doanh nghiệp (19,8% so với 94,6%). Tuy nhiên, lượng vốn được vay ít, chưa đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, thủ tục vay rườm rà, lãi suất cao, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận vốn. Điều này gián tiếp ảnh hưởng đến liên kết giữa doanh nghiệp với hộ nông dân trong việc cung ứng các yếu tố đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra.

**Lao động:** Dưa gang là một trong những cây dễ trồng, tốn ít chi phí đầu tư và công chăm sóc, do đó yêu cầu số lượng lao động không quá lớn ngay cả

thời kì thu hái rộ. Tuy số lượng lao động không ảnh hưởng nhiều đến sản xuất và tiêu thụ dưa gang nhưng chất lượng lao động, đặc biệt là năng lực của chủ hộ có ảnh hưởng quan trọng đến năng suất, hiệu quả sản xuất cũng như quyết định mở rộng hay thu hẹp quy mô sản xuất của hộ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trình độ văn hóa của chủ hộ nhìn chung thấp, đa số mới tốt nghiệp cấp hai, tỷ lệ tốt nghiệp cấp ba chỉ chiếm 15,0% ở nhóm hộ liên kết và 10,5% ở nhóm hộ không liên kết. Điều này ảnh hưởng nhiều đến kết quả sản xuất kinh doanh, gây khó khăn trong việc áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất.

### 3.3.5 Yếu tố thuộc về các tác nhân tham gia liên kết

#### a) Nhà nông

**Điều kiện sản xuất:** So với các hộ không liên kết, điều kiện sản xuất của các hộ liên kết thuận lợi hơn với bình quân đất nông nghiệp và đất phù hợp với trồng dưa gang cao hơn; lượng vốn và dụng cụ sản xuất về cơ bản là nhiều hơn. Tuy nhiên, đất canh tác của các hộ sản xuất dưa gang vẫn còn manh mún, diện tích ít, chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hàng hóa với quy mô lớn.

**Tâm lý và nhận thức của nhà nông:** Tâm lý và nhận thức của nhà nông có ảnh hưởng vô cùng quan trọng đến quyết định liên kết và mở rộng quy mô sản xuất. Do nhận thức về liên kết, hợp đồng sản xuất và tiêu thụ, nhận thức về trách nhiệm trong liên kết còn thấp nên tỷ lệ tham gia liên kết ở các khâu trong quá trình sản xuất chưa cao. Hơn nữa, do tâm lý sợ ràng buộc về mặt pháp lý khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ hợp đồng nên hình thức hợp đồng (nhất là ở liên kết trong cung ứng phân bón, thuốc BVTV) mới chỉ dừng lại ở việc ký sổ để làm tin, đa số vẫn dựa vào thỏa thuận miệng.

Trên thực tế, có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến quyết định không liên kết của nhà nông nhưng chủ yếu tập trung chủ yếu ở lý do không hiểu rõ về chủ trương liên kết cũng như lợi ích do liên kết mang lại (90,0%); không muốn ràng buộc với công ty về trách nhiệm pháp lý (45,0%); không đủ điều kiện tham gia liên kết như quy mô sản xuất quá ít hoặc hạn chế về cơ sở vật chất phục vụ sản xuất.

## Hộp 2: Khó khăn trong tiếp cận vốn vay

Do thủ tục vay phức tạp nên chúng tôi phải vay vốn từ quỹ tín dụng với lãi suất cao (1,7%/tháng). Trong khi đó, 70% tổng số vốn của trạm là đi vay.

*Trưởng Trạm vật tư nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình*

**Bảng 4: Lý do các hộ nông dân chưa liên kết**

Lý do	Tỉ lệ (%)
<b>1. Lý do không tham gia liên kết</b>	
- Không hiểu rõ về liên kết và lợi ích của LK mang lại	90,0
- Không muốn ràng buộc với công ty	45,0
- Không đủ điều kiện tham gia (qui mô diện tích, vốn...)	35,0
- Lý do khác	20,0
<b>2. Quyết định của hộ về liên kết trong thời gian tới</b>	
- Có muốn tham gia	55,0
- Không muốn tham gia	20,0
- Còn xem xét	25,0

*Nguồn: Kết quả điều tra Nhà nông năm 2012*

Như vậy, trình độ học vấn thấp, nhận thức về liên kết cũng như hợp đồng tiêu thụ nông sản còn hạn chế là những lý do chính ảnh hưởng tới liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa gang của nhà nông.

#### b) Doanh nghiệp

Doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, chủ động ký kết hợp đồng, hướng dẫn, giúp đỡ nhà nông trong việc áp dụng kỹ thuật, thực hiện bao tiêu sản phẩm với giá thỏa thuận bảo đảm lợi ích của cả hai bên. Hiện nay, trên địa bàn xã Quỳnh Thọ mới chỉ có công ty cổ phần chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu kí kết hỗ trợ cung ứng giống, hướng dẫn kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm đầu ra đối với sản phẩm dưa gang. Vì vậy, tình trạng ép giá đôi khi vẫn xảy ra do “độc quyền mua” từ phía doanh nghiệp. Tuy nhiên, không thể phủ nhận được rằng, trong mỗi liên kết này, công ty cổ phần chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu cùng với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ đầu vào cho nhà nông có vai trò rất quan trọng trong cung ứng đầu vào, hướng dẫn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm đầu ra, góp phần nâng

cao hiệu quả liên kết đối với sản phẩm dưa gang ở địa bàn nghiên cứu.

#### c) Nhà khoa học

Trong liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa gang ở xã Quỳnh Thọ, nhà khoa học đơn thuần là cán bộ khuyến nông cấp huyện, xã, cán bộ kỹ thuật của công ty cung ứng vật tư và công ty cổ phần chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu, không bao gồm cơ quan nghiên cứu/viện/trường/trại. Do đó, nhà khoa học trong mỗi liên kết này có vai trò hỗ trợ cho cả doanh nghiệp và nhà nông trong hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang.

#### d) Các tác nhân khác

Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang còn có sự tham gia tích cực của các tác nhân trung gian như HTX, chính quyền địa phương, ngân hàng và các tổ chức đoàn thể.

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng và vai trò của các

**Bảng 5: Nhận xét của nhà nông về mức độ ảnh hưởng và vai trò của các tác nhân liên quan**

Tác nhân	Đánh giá	
	Điểm tối đa cho từng tác nhân (10 điểm)	Mức độ quan trọng của các tác nhân (từ 1-4)
1. Hợp tác xã	8	1
2. Tổ chức đoàn thể	7	2
3. Tín dụng, ngân hàng	6	3
4. Cán bộ địa phương	5	4

*Nguồn: Số liệu điều tra hộ năm 2012*

tác nhân liên quan tham gia trong chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ dưa gang, nghiên cứu sử dụng thang điểm đánh giá theo thứ tự ưu tiên với thang điểm 10 là mức điểm tối đa cho từng tác nhân. Kết quả cho thấy, HTXDVNN được đánh giá đánh giá có ảnh hưởng tích cực nhất trong nhóm các tác nhân liên quan tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa gang, sau đó đến các tổ chức đoàn thể, ngân hàng và tổ chức tín dụng, chính quyền địa phương (nhà nước). Như vậy, việc triển khai, thực hiện cơ chế, chính sách của chính quyền địa phương chưa được các hộ sản xuất đánh giá cao là một vấn đề cần được nhìn nhận nghiêm túc.

#### **4. Giải pháp**

##### **4.1. Hoàn thiện công tác quy hoạch**

Hiện nay, hầu như các địa phương trên cả nước chưa có quy hoạch phát triển nông nghiệp đến cấp huyện, xã, trong đó có huyện Quỳnh Phụ. Vì vậy, giải pháp đặt ra cho phát triển nông nghiệp của huyện nói chung, đẩy mạnh liên kết trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang nói riêng, là phải xây dựng quy hoạch chi tiết nông nghiệp trên cơ sở quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội, bố trí các vùng chuyên canh sản xuất rau màu.

Để thực hiện vấn đề quy hoạch được tốt, xã cần rà soát lại quy hoạch đất lúa, đất màu một cách chặt chẽ, đặc biệt là khâu xây dựng quy hoạch sản xuất màu trong dài hạn. Theo đó, cần quy hoạch cụ thể các vùng sản xuất rau màu dựa theo chất đất, loại cây trồng. Từ đó, có kế hoạch hỗ trợ, đầu tư cho sản xuất cũng như tạo điều kiện cho liên kết giữa nhà nông với nhà khoa học và doanh nghiệp một cách hiệu quả, bền vững.

##### **4.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện liên kết giữa các nhà**

*Một là*, rà soát lại khâu tổ chức thực hiện Nghị quyết 80 đến chính quyền các cấp ở địa phương.

*Hai là*, phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc đẩy mạnh và thường xuyên tổ chức tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục dưới nhiều hình thức để nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, lợi ích của việc liên kết “4 nhà” cho từng nhà, đặc biệt là cho nhà nông trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang đạt hiệu quả, từ đó nhân rộng mô hình liên kết trong huyện, tỉnh.

*Ba là*, tuyên truyền, vận động và đẩy mạnh tổ chức các hình thức hợp tác sản xuất tập thể trong nông nghiệp từ thấp đến cao (tổ, đội liên kết sản xuất, câu lạc bộ, hợp tác xã) bảo đảm các nguyên tắc tự nguyện, tự chủ của các nông hộ để tạo điều kiện

cho việc triển khai và thực hiện có hiệu quả mô hình liên kết “4 nhà” trong sản xuất và tiêu thụ dưa gang ở xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Phụ.

##### **4.3. Giải pháp về đầu tư công và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng**

*Thứ nhất*, tăng cường đầu tư công ở các khâu hỗ trợ giống, vật tư nông nghiệp, nhất là trong tình trạng giá vật tư leo thang như hiện nay. Đặc biệt, xã cùng với các cơ quan chức năng cần chính sách hỗ trợ đối với các hộ nghèo và gia đình chính sách.

*Thứ hai*, đầu tư cơ sở hạ tầng phải có lộ trình, theo nguyên tắc ưu tiên, trong đó ưu tiên hàng đầu hệ thống mục ưu tiên; các nguồn huy động ngoài ngân sách thủy lợi, đường giao thông nội đồng.

*Thứ ba*, xây dựng cơ chế phối hợp các nguồn đầu tư trong đó ngân sách nhà nước chủ yếu chi cho hạng nên tập trung để cải tạo điều kiện canh tác khác như giao thông nội đồng, đường, điện phục vụ sản xuất và tiêu thụ.

##### **4.4. Giải pháp tiếp tục hỗ trợ nâng cao năng lực các tác nhân tham gia liên kết**

Với quan điểm nguồn nhân lực là yếu tố then chốt, đảm bảo cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thuận lợi, việc hỗ trợ nâng cao năng lực cho các tác nhân tham gia liên kết là chiến lược lâu dài, nhằm tăng cường liên kết giữa các nhà. Các chính sách hỗ trợ tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia liên kết cần cụ thể hóa bằng các chương trình hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp như:

(1) Nâng cao trình độ nhận thức về liên kết thông qua tuyên truyền, tập huấn các hình thức đào tạo phù hợp với điều kiện ở khu vực nông thôn;

(2) Nâng cao năng lực cho nhà khoa học, doanh nghiệp, cán bộ quản lý ở địa phương, HTXDVNN và các tác nhân khác thông qua tập huấn, mở rộng mạng lưới khuyến nông ở địa bàn nông thôn, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu các loại giống mới, máy móc thiết bị phục vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp.

##### **4.5. Giải pháp đối với từng nội dung liên kết**

*Đối với liên kết trong cung ứng đầu vào* (giống, phân bón, thuốc BVTV, tín dụng), cần kiểm định chất lượng, nguồn gốc đầu vào trước khi lưu hành ra thị trường, đặc biệt là đầu vào từ phía các đại lý và tư nhân cung cấp. Ngoài ra, khuyến khích mở rộng hình thức liên kết giữa nhà nông – HTX – doanh nghiệp để đảm bảo chất lượng giống đồng thời tiết kiệm chi phí do rút ngắn khâu trung gian trong cung ứng đầu vào.

*Trong liên kết chuyển giao tiến bộ khoa học kĩ*

*thuật*: Cần tăng cường hơn nữa vai trò của nhà khoa học dưới sự hỗ trợ của Nhà nước trong chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó, cần có các hình thức hỗ trợ thích hợp để kích thích nông dân tham gia tập huấn xuất phát từ chính nhu cầu và thực tiễn sản xuất, nội dung tập huấn phù hợp, thu hút sự tham gia của người dân.

*Đối với liên kết trong tiêu thụ*, để tăng cường liên kết trong tiêu thụ dưa gang cần thực hiện tốt một số giải pháp sau: (1) Có quy định và ràng buộc rõ ràng giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng; (2) Khi có tình trạng phá vỡ hợp đồng xảy ra, có hình thức xử lý nghiêm khắc, yêu cầu bồi thường giá trị hợp đồng có sự can thiệp của luật pháp; (3) Nâng cao nhận thức cho nhà nông trong việc ký kết và tuân thủ hợp đồng; (4) Rút ngắn khâu thu gom/thương lái để kết chuyển giá trị hàng hóa vào nhóm cộng đồng.

### 5. Kết luận

Từ thực trạng liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa gang tại huyện Quỳnh Phụ cho thấy, có nhiều yếu tố hưởng đến kết quả và hiệu quả liên kết sản xuất và

tiêu thụ dưa gang bao gồm cả yếu tố vĩ mô, yếu tố vi mô, yếu tố bên ngoài và yếu tố nội tại của mối quan hệ liên kết. Để tăng cường hoạt động liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản nói chung, sản phẩm dưa gang nói riêng ở huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp nông thôn phát triển bền vững; tăng thu nhập cho các tác nhân tham gia liên kết; nghiên cứu đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm như: *Một là*, hoàn thiện công tác quy hoạch nông nghiệp, nông thôn; *Hai là*, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện liên kết từ cấp Trung ương đến cấp cơ sở xã, thôn; *Ba là*, tăng cường đầu tư công và đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn; *Bốn là*, tiếp tục hỗ trợ nâng cao năng lực các tác nhân tham gia liên kết; *Năm là*, hoàn thiện các nội dung liên kết. Để thực hiện được các giải pháp đó, rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước với tư cách là “nhạc trưởng”, ban hành các chủ trương, chính sách tạo hành lang, pháp lý, hỗ trợ các hoạt động liên kết diễn ra êm đẹp, hiệu quả. □

1. Lựa chọn điểm nghiên cứu dựa trên tham vấn của cán bộ phòng nông nghiệp huyện Quỳnh Phụ
2. Tỷ lệ các hộ được chọn dựa trên số liệu thống kê của HTXDVNN về tổng số hộ có và không liên kết qua HTX

### Tài liệu tham khảo:

Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội Đảng*

Thủ tướng Chính phủ (2002), *Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản hàng hóa thông qua hợp đồng*.

Minh Hoài (2006), ‘Tiêu thụ nông sản theo hợp đồng sau 4 năm thực hiện (2002-2006)’, *Tạp chí Cộng sản*, số 117, tr 54-59.

### Solutions to strengthening the linkage in production and consumption of cucumis melon in Quỳnh Phụ district, Thái Bình province: A case study in Quỳnh Thọ commune

#### Abstract:

*This study focuses on three main issues: (i) To assess the situation of production and consumption of Cucumis melon, (ii) To analyse impact factors on the linkage in production and consumption of Cucumis melons in the study area, (iii) To propose solutions to enhancing efficiency of the linkage. The results show that, in general, linkage has positive impacts on the productive efficiency as well as the knowledge and skills of producers. Besides, the study also reveals the causes affecting the linkage and suggests some recommendations to strengthen the linkage between the production and consumption of Cucumis melons in the study site.*

---

### Thông tin tác giả:

\***Đỗ Thị Diệp**

- Nơi công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển Nông thôn – Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội